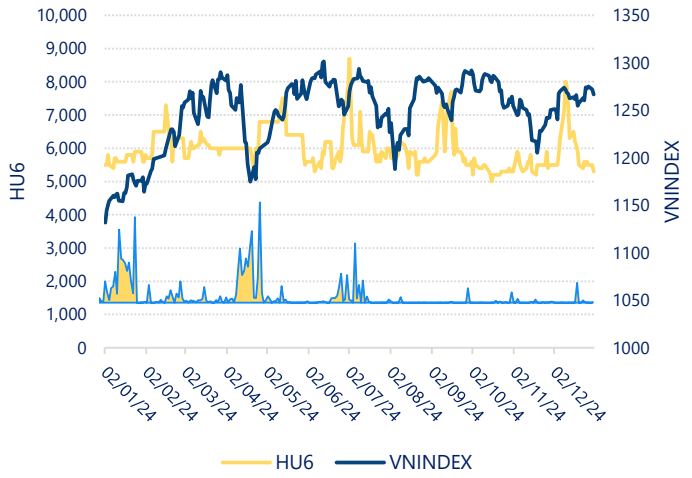
CTCP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD6 (UPCOM: HU6

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	5,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.6%	-1.9%	-

Lịch sử giá



2024

DT thuần 2.34 *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 0.53 ▼ 18.4%

2024

LN gộp 1.85 *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 0.26 ▼ 12.1%

2024

LN thuần -0.06 *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 0.58 ▲ 90.7%

2024

LN sau thuế 0.03 *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 0.03 ▼ 51.5%

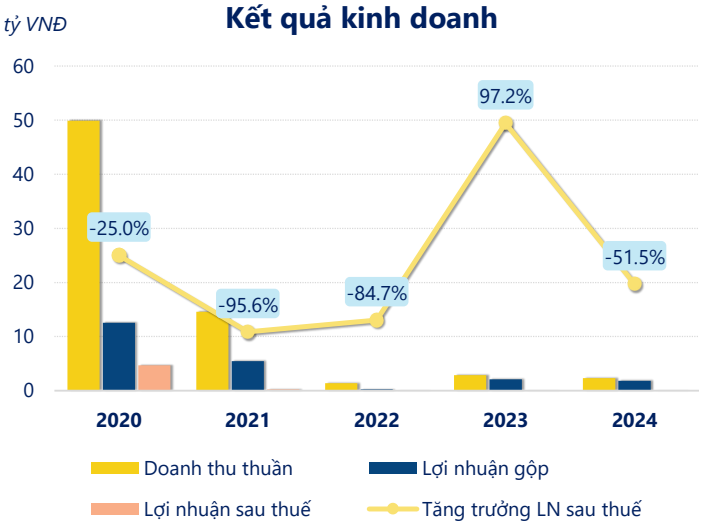
2024

ROE 0.0%

2024

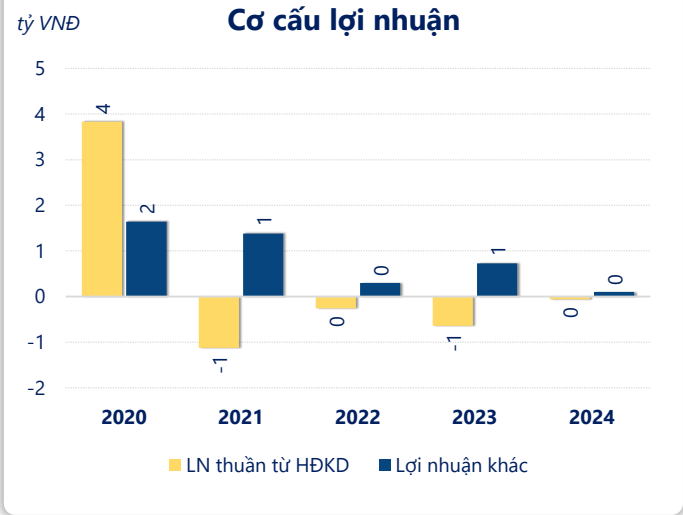
ROA 0.0%

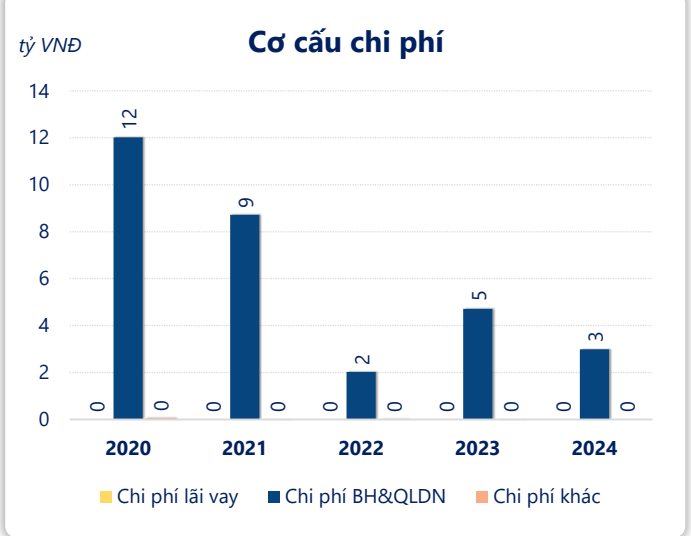
Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **HU6** năm **2024**, doanh thu thuần **giảm mạnh 18.4%** chỉ còn **2.34** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 51.5%** chỉ còn **0.03** tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế bằng 0 cho thấy doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận hoặc đang gặp phải các thách thức tài chính.

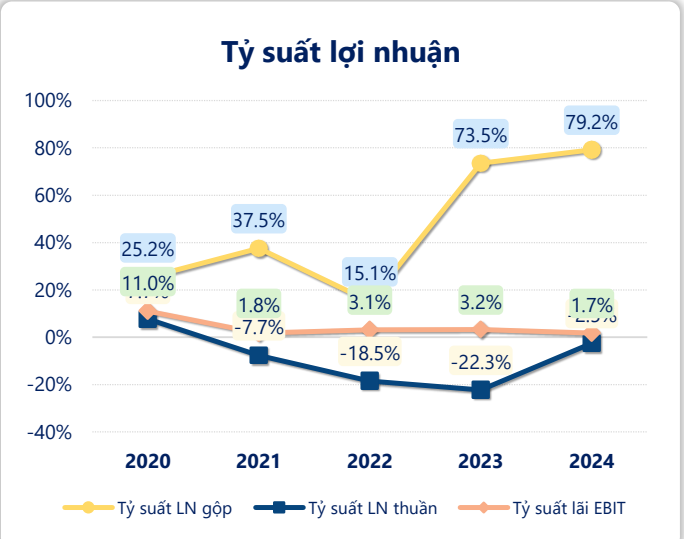


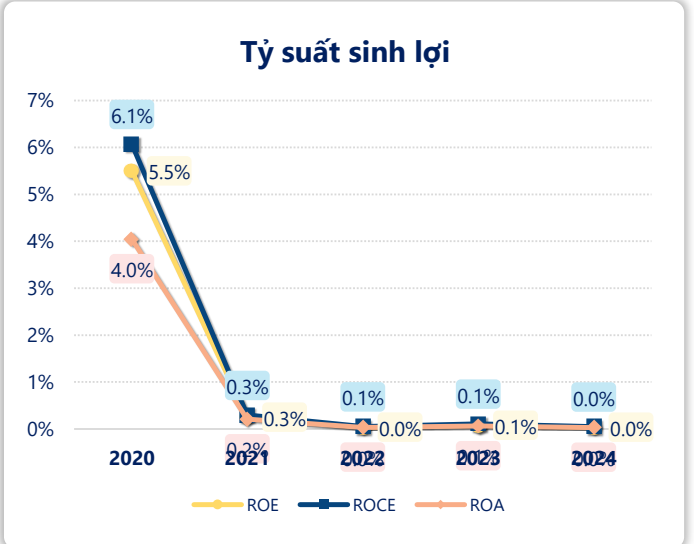


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **HU6** năm **2024 tăng lên 0.58** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 0.06 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2021** là 1.12 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

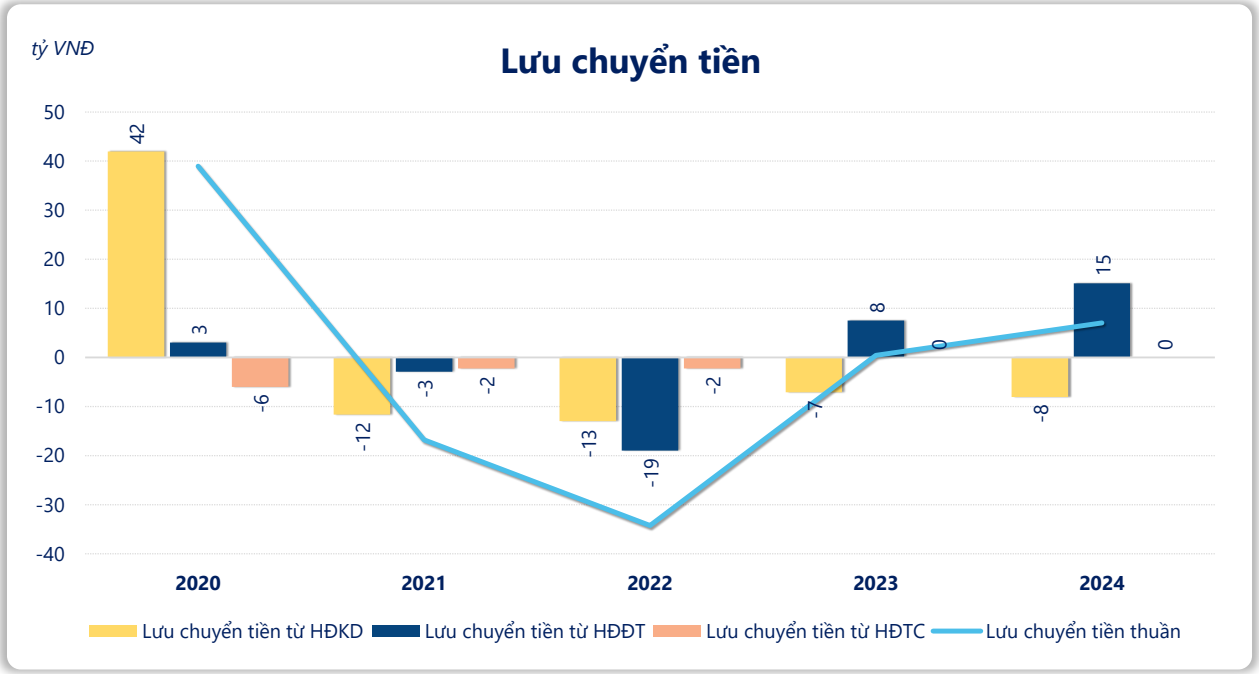
Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm xuống** còn **2.99** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.00** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của HU6 năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **0.04%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**49.9**	**14.6**	**1.38**	**2.87**	**2.34**
Giá vốn hàng bán	37.3	9.09	1.17	0.76	0.49
Lợi nhuận gộp	**12.6**	**5.46**	**0.21**	**2.11**	**1.85**
Doanh thu HĐTC	3.28	2.13	1.56	2.03	1.08
Chi phí TC	0	0	0	0.06	0
Chi phí lãi vay	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.40	0.58	0.03	0	0
Chi phí QLDN	10.6	8.13	1.99	4.72	2.99
LN thuần từ HĐKD	**3.84**	**-1.12**	**-0.26**	**-0.64**	**-0.06**
Lợi nhuận khác	1.64	1.38	0.30	0.73	0.10
LN trước thuế	**5.48**	**0.26**	**0.04**	**0.09**	**0.04**
Lợi nhuận sau thuế	**4.71**	**0.20**	**0.03**	**0.06**	**0.03**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.71**	**0.20**	**0.03**	**0.06**	**0.03**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của HU6 bằng **7.06** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (0.45 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-8.06** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **15.12** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **0.00** tỷ đồng.